LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 126

LUẬN VỀ TỰ NGHIỆP (Phần 3)

Thế nào là Tỳ kheo giữ lại nhiều hành về Thọ (thọ lượng)? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong Kinh. Như trong Kinh nói: "Lúc ấy Đức Thế Tôn giữ lại nhiều hành về mạng (mạng căn), xả bỏ nhiều hành về Thọ (thọ lượng)". Lại muốn phân biệt về nghĩa trong Tỳ-nại-da. Như trong Tỳ-nại-da nói: "Đại Sinh hủ là đứng đầu năm trăm Tỳ kheo Ni, giữ lại nhiều hành về Mạng, xả bỏ nhiều hành về Thọ". Kinh và Tỳ-nại-da tuy có nói ra điều này, nhưng chưa phân biệt về nhân duyên giữ lại-xả bỏ. Kinh ấy và Tỳ-nại-da là căn bản của phần luận này, điều ấy chưa nói thì nay cần phải nói đến, cho nên soạn ra phần luận này.

Vả lại, những người soạn luận đều là phân biệt về tự tướng-cọng tướng của các pháp vốn có, nay ở phần luận này cũng như vậy, cho nên không cần phải hỏi làm gì.

Hỏi: Thế nào là Tỳ kheo giữ lại nhiều hành về Thọ?

Đáp: Đó là A-la-hán thành tựu thần thông, tâm được tự tại, hoặc là đối với Tăng chúng, hoặc là nơi người khác, dùng y-dùng bát, hoặc là dùng các vật dụng bố thí tùy theo mạng duyên của một Sa môn, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiền vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thục giàu có, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thục của Thọ. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thục giàu có, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thục của Thọ.

Hỏi: Người ấy có duyên gì mà giữ lại nhiều ành về Thọ?

Đáp: Giữ lại nhiều hành về Thọ, tóm lược có hai duyên, đó là vì

lợi ích thêm cho người khác và trú trì Phật pháp.

Vì lợi ích thêm cho người khác, đó là dạy bảo đệ tử tu các quán hành, người ấy quán sát tỉ mỉ trú bằng tuổi thọ của mình, những học trò này đến được pháp thù thắng hay không? Giả sử tuổi thọ của mình không còn thì lại có ai khác, có thể khéo léo chỉ bày rõ ràng về đạo-phi đạo hay không? Nếu thấy không có năng lực thì giữ lại hành về thọ.

Vì trú trì Phật pháp, đó là quản lý việc làm tượng Phật-phòng Tăng..., người ấy quán sát kỹ càng trú bằng tuổi thọ của mình, quản lý những việc làm này có được hoàn thành hay không? Giả sử tuổi thọ của mình không còn, thì lại có phương tiện khéo léo nào khác có thể hoàn thành hay không? Nếu thấy không có năng lực thì giữ lại hành về Thọ.

Vả lại, người ấy quán sát thấy sẽ có Quốc Vương-Đại thần-Trưởng giả... muốn hủy diệt Phật pháp, liền quán sát kỹ càng trú bằng tuổi thọ của mình sẽ có phương tiện nào làm cho không hủy diệt chăng? Giả sử tuổi thọ của mình không còn, thì lại có phương tiện khéo léo nào khác có thể trú trì hay không? Nếu thấy không có năng lực thì giữ lại hành về Thọ.

Vì giữ lại hành về Thọ, cho nên dùng y bát... để bố thí cho Tăng và người khác, dựa vào trong Kinh nói, nghĩa là Đức Thế Tôn nói: "Nếu có thí chủ tự mình bố thí vật dụng cho người khác thì gọi là bố thí năm sự. Từ đó lại sẽ có được quả của năm sự:

1. Thọ.
2. Sắc.
3. Lực.
4. Lạc.
5. Biện".

Người ấy quán sát kỹ càng là bố thí cho Tăng chúng sẽ có được quả to lớn, hay là bố thí cho người khác? Nếu thấy bố thí cho Tăng sẽ có được quả to lớn, thì bố thí cho Tăng, nếu bố thí cho người khác sẽ có được quả to lớn, thì bố thí cho người khác. Vì vậy đối với Tăng, hoặc là nơi người khác, dùng y dùng bát, hoặc là dùng các vật dụng bố thí tùy theo mạng duyên của một Sa môn, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thục giàu có, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thục của Thọ. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thục giàu có, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thục của Thọ.

Hỏi: Theo lý thì không có quả dị thục giàu có mà có thể trở thành

quả dị thục của Thọ, vì sao lại nói nghiệp dị thục giàu có, thì chuyển biến về lực của nghiệp. Nghĩa là do bố thí và giới hạn của Định lực, chuyển biến nghiệp dị thục giàu có dẫn đến quả dị thục của Thọ, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả giàu có, bởi vì cầu mong về quả của Thọ.

Có Sư khác nói: Có nghiệp trước đó cảm đến quả dị thục của Thọ, nhưng mà có tai chương; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, tai chướng ka diệt đi-dị thục của Thọ dấy khởi, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả giàu có, bởi vì cầu mong về quả của Thọ.

Có người đưa ra cách nói này: Có nghiệp trước đó dẫn đến quả dị thục của Thọ, nhưng mà không quyết định; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, khiến cho dẫn đến nghiệp của Thọ quyết định mang lại quả.

Lại có người muốn làm cho nhờ vào bố thí và Định mà dẫn dắt chọn lấy dị thục của thọ còn lại ở đời trước, nghĩa là A-la-hán có dị thục của Thọ còn lại trong đời khác, nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực dẫn dắt khiến cho hiện rõ trước mắt, Định lực không thể nghĩ bàn khiến cho đoạn dứt đã lâu mà nối tiếp trở lại.

Hỏi: Giữ lại hành về Thọ, đích thực do pháp nào dẫn dắt, là do lực của bố thí, hay là lực của Định? Nếu do lực của bố thí thì không cần phải nhập Định, nếu do lực của Định thì không cần phải thực hành bố thí?

Đáp: Có người nói do bố thí; có người nói do Định. Nói như vậy thì cùng do cả hai loại, tuy thực hành nhiều về bố thí nhưng nếu không nhập Định thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến quả của Thọ, tuy luôn luôn nhập Định nhưng nếu không được hành bố thí thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến quả của Thọ. Nhưng lực của bố thí có thể dẫn dắt, lực của Định khiến cho quyết định, vì vậy cho nên nói cùng do cả hai loại.

Hỏi: Thế nào là Tỳ kheo xả bỏ nhiều hành về Thọ?

Đáp: Đó là A-la-hán thành tựu thần thông, tâm được tự tại, bố thí như trước, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thục của Thọ, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thục giàu có. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thục của Thọ, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thục giàu có.

Hỏi: Người ấy có duyên gì mà xả bỏ nhiều hành về Thọ?

Đáp: Bởi vì lợi mình và lợi người đều đến chỗ cuối cùng, đã có được Tận trí cho nên gọi là lợi mình đến chỗ cuối cùng; đối với sự việc lợi người, nếu có lực có thể thành tựu sự việc này rồi thì trở về với Viên tịch (nhập Niết-bàn), nếu không có năng lực thì cũng gọi là đến chỗ cuối cùng.

Có người đưa ra cách nói này: Người ấy chán ngán thân mình giống như đồ chứa chất độc, cho nên mong mỏi xả bỏ. Như có tụng nói:

"Phạm hạnh tốt đẹp đã thành lập, Thánh đạo đã khéo léo tu tập,
Thọ mạng không còn thì hoan hỷ, giống như bỏ đồ chứa chất độc".

Vì xả bỏ hành về Thọ, cho nên dùng y bát... để bố thí cho Tăng và người khác, dựa vào trong Kinh nói, nghĩa là Đức Thế Tôn nói: "Những việc làm về nghiệp phước, tóm lược có ba loại:

1. Việc làm của nghiệp phước thuộc về tánh Thí.
2. Việc làm của nghiệp phước thuộc về tánh Giới.
3. Việc làm của nghiệp phước thuộc về tánh Tu.

Đối với việc làm thuộc về tánh Thí, hoặc là thói quen-hoặc là tu tập, hoặc là đã làm nhiều, cảm đến quả rất giàu có..." Người ấy quán sát kỹ càng là bố thí cho Tăng chúng sẽ có được quả to lớn, hay là bố thí cho người khác? Nếu thấy bố thí cho Tăng sẽ có được quả to lớn thì bố thí cho Tăng, nếu bố thí cho người khác sẽ có được quả to lớn thì bố thí cho người khác. Vì vậy đối với Tăng chúng, hoặc là nơi người khác, dùng y-dùng bát, hoặc là dùng các vật dụng bố thí tùy theo mạng duyên của một Sa môn, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thục của Thọ, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thục giàu có. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thục của Thọ, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thục giàu có.

Hỏi: Theo lý thì không có quả dị thục của Thọ mà có thể trở thành quả dị thục giàu có, vì sao lại nói nghiệp dị thục của Thọ, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thục giàu có? Đáp: Không có chuyển biến về Thể của quả, mà có chuyển biến về lực của nghiệp. Nghĩa là do bố thí và giới hạn của Định lực, chuyển biến nghiệp dị thục của Thọ dẫn đến quả dị thục giàu có, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả của Thọ, bởi vì mong mỏi về quả giàu có.

Có Sư khác nói: Có nghiệp trước đó cảm đến quả dị thục giàu có, nhưng mà có hai chướng; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định

lực, tai chướng kia diệt đi-dị thục giàu có dấy khởi, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả của Thọ, bởi vì mong mỏi về quả giàu có.

Có người đưa ra cách nói này: Có nghiệp trước đó dẫn đến quả dị thục giàu có, nhưng mà không quyết định; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, khiến cho dẫn đến nghiệp giàu có quyết định mang lại quả.

Lại có người nói: Có nghiệp trước đó dẫn đến quả dị thục giàu có, nhưng thô mà không phải là diệu; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, khiến cho cảm nghiệp thô chuyển biến dẫn đến quả diệu. Nghĩa là nghiệp ấy trước kia dẫn đến quả thô trong thời gian dài, nay nhờ vào lực của bố thí-Định và cầu nguyện, khiến cho nước ấy chuyển biến dẫn đến quả diệu bây giờ.

Lại có người muốn làm cho nhờ vào bố thí và Định mà dẫn dắt chọn lấy dị thục giàu có sót lại của đời trước, nghĩa là A-la-hán có dị thục giàu có sót lại trong đời khác, nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực dẫn dắt khiến cho hiện rõ trước mắt, Định lực không thể nghĩ bàn khiến cho đoạn dứt đã lâu mà nối tiếp trở lại.

Hỏi: Dị thục giàu có này, đích thực do pháp nào dẫn dắt, là do lực của bố thí, hay là lực của Định? Nếu do lực của bố thí thì không cần phải nhập Định, nếu do lực của Định thì không cần phải thực hành bố thí?

Đáp: Có người nói do bố thí; có người nói do Định. Nói như vậy thì cùng do cả hai loại, tuy thực hành nhiều về bố thí nhưng nếu không nhập Định thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến giả giàu có, tuy thường xuyên nhập định nhưng nếu không thực hành bố thí thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến quả giàu có. Nhưng lực của bố thí có thể dẫn dắt, lực của Định khiến cho quyết định, vì vậy cho nên nói cùng do cả hai loại.

Hỏi: Nếu quả về Thọ-quả về giàu có của các hữu tình không quyết định thì có thể có sự giữ lại và xả bỏ, nếu cùng quyết định thì giữ lại và xả bỏ nhu thế nào?

Đáp: Chỉ đưa ra phạm vi hạn định chứ không có sự giữ lại và xả bỏ; ví như thầy thuốc giỏi đã ghi nhận phạm vi hạn định thì không có ai có thể vượt quá, ở đây cũng thuận theo như vậy.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nó như vậy: "A-la-hán ấy do khởi lên giới hạn của Định lực thứ tư, dẫn dắt Đại chủng của cõi Sắc khiến cho hiện tiền trong thân, mà Đại chủng ấy có lúc hành thuận cõi Thọ, có

lúc hành trái với Thọ, vì nhân duyên này cho nên hoặc là giữ lại-hoặc là xả bỏ".

Có người đưa ra cách nói này: A-la-hán ấy do lực của Tam-ma-địa tự tại này, chuyển bỏ Đại chủng của các căn đã sinh ra do nghiệp đời trước từng có tồn tại qua thời gian, dẫn đến Đại chủng của các căn đã sinh ra do Định lực chưa từng tồn tại qua thời gian.

Cách nói ấy không đúng, bởi vì Mạng căn có riêng chứ không phải là căn lấy Đại chủng làm tự tánh.

Hỏi: Trong Kinh nói Đức Thế Tôn giữ lại nhiều hành về Mạng, xả bỏ nhiều hành về Thọ, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chư Phật Thế Tôn xả bỏ Thọ thuộc phần thứ ba. Có người đưa ra cách nói này: Chư Phật Thế Tôn xả bỏ Thọ thuộc phần thứ năm.

Nếu nói chư Phật xả bỏ Thọ thuộc phần thứ ba, thì đó là nói đến thọ lượng của Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn lẽ ra trú đến một trăm hai mươi tuổi, mà xả bỏ bốn mươi năm sau, chỉ nhận lấy tám mươi năm.

Hỏi: Lúc Đức Phật xuất thế, người ở châu này sống thọ không quá trăm tuổi, tại sao Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn có tuổi thọ một trăm hai mươi năm?

Đáp: Như sắc tướng-năng lực-dòng họ-giàu sang-đồ chúng-trí tuệ nhận biết của Đức Phật hơn hẳn mọi hữ tình, cho nên thọ lượng cũng thuận theo vượt quá mọi người.

Nếu nói chư Phật xả bỏ Thọ thuộc phần thứ năm, thì đó là nói đến thọ lượng đã cảm lấy của Đức Thích-ca Mâu Ni Thế Tôn lẽ ra trú đến một trăm tuổi, mà xả bỏ hai mươi năm sau, chỉ nhận lấy tám mươi năm.

Hỏi: Sắc tướng-năng lực-dòng họ-giàu sang-đồ chúng-trí tuệ nhận biết của chư Phật hơn hẳn mọi hữu tình, tại sao thọ lượng cùng với mọi người như nhau?

Đáp: Bởi vì sinh vào thời gian thuộc về thọ lương như vậy. Vì thế trogn Kinh nói xả bò hành về Thọ, nghĩa là xả bỏ bốn mươi năm, hoặc là hai mươi năm; giữ lại hành về Mạng, nghĩa là giữ lại ba tháng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn giữ lại-xả bỏ hành về Mạng-hành về Thọ như vậy chứ không tăng giảm?

Đáp: Bởi vì sự nghiệp của chư Phật tốt đẹp đến cuối cùng, đến lúc như vậy thì sự nghiệp của chư Phật đạt được tốt đẹp hoàn toàn trọn vẹn, cho nên không tăng giảm.

Có người nói: Pháp vốn như vậy, chư Phật Thế Tôn chỉ xả bỏ-chỉ

giữ lại Thọ-mạng như vậy.

Có người nói: Muốn hiển bày về chư Phật Thế Tôn không tham thọ-Mạng cho nên có thể xả bỏ sớm, các hữu tình vì tham Thọ-mạng cho nên không có thể xả bỏ. Thường xuyên mong cầu nhập Niết-bàn, đừng có sinh tâm nghi ngờ; Đức Phật cũng như vậy, cho nên xả bỏ hành về Thọ, hiển bày khác với hữu tình, sự nghiệp giáo hóa chưa trọn vẹn mà còn giữ lại ba tháng.

Có người nói: Muốn hiển bày về chư Phật Thế Tôn khéo an trú trong Thánh đạo, cho nên xả bỏ hành về Thọ, nghĩa là như Đức Thế Tôn đối với quả báo vốn có sinh lòng hoan hỷ dầy đủ hết sức, đối với Thọ cũng như vậy.

Có người nói: Đức Thế Tôn tránh giai đoạn già yếu cho nên rời bỏ hành về Thọ, bởi vì sự nghiệp giáo hóa hữu tình chưa trọn vẹn, cho nên còn giữ lại ba tháng. Như Ô-đà-di vào một lần xoa bóp thân thể cho Đức Phật, thấy tướng khác thường mà thưa với Đức Phật rằng: Bây giờ thân thể của Đức Thế Tôn từ từ dãn ra, các căn thay đổi, dung mạo khác với bình thường, giai đoạn này hãy còn như vậy, huống là vượt quá tám mươi tuổi hay sao? Vì vậy tránh sự già yếu cho nên xả bỏ nhiều hành về Thọ.

Có người nói: Muốn Đức Thế Tôn nói: "Ta khéo tu tập thức hành bốn Thần túc, cho nên muốn trú trong một kiếp, hoặc là hơn một kiếp, như ý đều có thể trú tự nhiên".

Có người nói: Muốn hiển bày chư Phật Thế Tôn có năng lực làm cho các ma phải khuất phục mà giữ lại và xả bỏ Thọ-mạng. Nghĩa là lúc chứng Vô thượng Diệu giác Bồ-đề đã làm cho hai loại ma phải hàng phục, đó là ma trời và ma phiền não; lúc này sắp chứng nhập cảnh giới niết-bàn lại làm cho hai loại ma phải hàng phục, đó là ma Uẩn và ma chết. Buộc ma Uẩn phải hàng phục cho nên xả bỏ nhiều hành về Thọ, buộc ma chết phải hàng phục cho nên giữ lại nhiều hành về Mạng.

Hỏi: Hành về Mạng và hành về Thọ có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Không có sai biệt gì. Như luận Phẩm Loại Túc nói: "Thế nào là Mạng căn? Đó là Thọ thuộc ba cõi".

Có người nói: Hai loại này cũng có sai biệt, đó là tên gọi đã có sai biệt, bởi vì gọi là hành về Mạng, gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Do hành này mà sống, cho nên gọi là hành về Mạng; do hành này mà chết, cho nên gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Đã giữ lại gọi là hành về Mạng, đã xả bỏ gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Có thể sinh ra pháp, gọi là hành về Mạng; không thể sinh ra pháp, gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Trú trong thời gian ngắn gọi là hành về Mạng, trú trong một thời kỳ gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Đồng phần gọi là hành về mạng, Bỉ đồng phần gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của tu gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp vô lậu gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp hữu lậu gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của Minh gọi là hành về Mạng, quả của Vô minh gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp mới gọi là hành về Mạng, quả ủa nghiệp cũ gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp mang lại quả gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp không mang lại quả gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp gần gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp xa gọi là hành về Thọ.

Tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói như vậy: "Quả của nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận lấy gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận lấy-thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận lấy-thuận theo không nhất định nhận lấy gọi là hành về Thọ".

Đó gọi là sự sai biệt giữa hành về Mạng và hành về Thọ.

Hỏi: Nói nhiều hành là có nghĩa gì?

Đáp: Nói về nhiều là hiển bày rõ ràng sự giữ lại-sự xả bỏ không phải là một sát-na, nói về hành là hiển bày rõ ràng giữ lại-sự xả bỏ là pháp vô thường.

Hỏi: Nơi nào giữ lại và xả bỏ hành về Mạng-hành về Thọ?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là cõi khác, ở loài người chứ không phải là loài khác, ở ba châu chứ không phải là Bắc châu.

Hỏi: Ai có thể giữ lại và xả bỏ hành về Mạng-hành về Thọ?

Đáp: Là Thánh giả chứ không phải là dị sinh, là Vô học chứ không phải là Hữu học, là bất thời giải thoát chứ không phải là Thời giải thoát, cũng là nam cũng là nữ.

Thế nào là tâm cuồng loạn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì giải thích về nghĩa trong Kinh, trong Tỳ-nại-da. Như trong Kinh nói: "Bà-la-môn nữ Bà-tư-sắt-trĩ vì mất sáu người con, tâm

phát cuồng loạn, thân hình trần truồng chạy khắp nơi, trông thấy Đức Thế Tôn rồi trở lại có được tâm ba đầu". trong Tỳ-nại-da nói: "Thất-lợi-phiệt-sa vì tâm cuồng loạn, thực hành rất nhiều chủng loại không phải là pháp của a môn, không thuận với pháp hành". Trong Tỳ-nại-da lại đưa ra cách nói này: "Do nhận chịu đau khổ làm cho bức bách, hoặc là tâm cuồng loạn, và giai đoạn bắt đầu của nghiệp, đều không có pham lỗi". Kinh và Tỳ-nại-da tuy nói ra điều này, mà không giải thích rộng ra, nay vì giải thích mở rộng về điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tâm cuồng loạn?

Đáp: Đó là do thế lực của bốn duyên đã bức bách làm cho tâm cuồng loạn.

1. Do loài Phi nhân hiện ra cảnh tượng-sắc tướng xấu ác, gặp rồi kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là có loài Phi nhân biến hóa làm thành sắc tướng đáng sợ như voi-ngựa-lạc đà-trâu-dê..., hiện rõ ra trước mặt người ấy làm cho tâm trở nên cuồng loạn.

Hỏi: Người ấy không hề thấy voi ngựa... chăng, tại sao lúc này trông thấy liền sinh tâm kinh sợ?

Đáp: Người ấy tuy đã từng trông thấy, mà bây giờ không phải lúc-không đúng chỗ-không hợp đạo, bỗng nhiên trông thấy cho nên Kinh sợ.

Nói là không phải lúc, nghĩa là vào ban đêm trông thấy voi ngựa... liền dấy lên ý nghĩ này: Tại sao lúc này có voi ngựa... đi đến chỗ mình, nhất định là loài Phi nhân xuất hiện để bức bách làm hại lẫn nhau? Vì vậy mà kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn.

Nói là không đúng chỗ, nghĩa là ở những nơi nhà cao cửa rộng-phòng ốc kín đáo... mà lại trông thấy voi ngựa..., liền dấy lên ý nghĩ này: Vì sao ở chỗ này lại có voi ngựa... hiện rõ ra trước mắt mình, nhất định là loài Phi nhân xuất hiện để bức bách làm hại lẫn nhau? Vì vậy mà kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn.

Nói là không hợp đạo, nghĩa là ở giữa bãi tha ma không phải là đường sá đi lại của voi ngựa... đã từng đi, trông thấy voi ngựa... liền dấy lên ý nghĩ này: Vì sao ở chỗ này lại có voi ngựa..., nhất định là loài Phi nhân xuất hiện để bức bách làm hại lẫn nhau? Vì vậy mà Kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn.

2. Do loài Phi nhân tức giận đánh vào thân thể, bị bức bách vì nhận chụi đau khổ làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là ở nơi chốn mà Đại chúng đi lại-cư trú, vì tâm khinh mạn mà tùy tiện phóng uế; hoặc ở

trong tinh xá của chư Phật-Độc giác-Thanh văn..., làm những việc làm bất tịnh khiến cho thiện thần tức giận đánh vào thân thể, người có thân thể mong manh nhỏ bé như hạt cải, nếu lúc đánh vào thì làm cho tâm trở nên cuồng loạn.

3. Do Đại chủng trái ngược nhau làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là có người lúc ăn nhiều hồ tiêu-mè-hành-hẹ..., phát ra các triệu chứng nóng-lạnh..., Đại chủng trái ngược nhau làm cho tâm cuồng loạn.

4. Do dị thục nghiệp trước kia làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là có người lúc trước vui mừng nhảy nhót, loan truyền sự việc kinh sợ làm cho người khác buồn lo phiền muộn, hoặc làm ra hầm hố gài bẫy để chúng sinh rơi xuống, hoặc châm lửa đốt cháy núi đồi cây cỏ, hoặc dùng sức mạnh ép buộc người khác uống rượu, hoặc dùng suy nghĩ trái ngược để giải thích kinh điển..., những nghiệp như vậy làm cho tâm cuồng loạn. Nhưng trạng thái cuồng loạn này không phải là quả dị thục, chỉ từ dị thục của nghiệp ác mà sinh ra, bởi vì nghiệp ác không dẫn đến dị thục của ý địa.

Có người nói: Cuồng loạn do năm loại duyên cớ, bốn loại trước giống như trước; loại thứ năm là do buồn phiền lo lắng, nghĩa là bởi vì mất đi con cái yêu quý của mình...., buồn phiền chất chứa quấn chặt tâm tư làm cho phát sinh cuồng loạn.

Hỏi: Tâm cuồng loạn này có ở nơi nào?

Đáp: Có ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc, nhưng mà địa ngục không có, bởi vì tâm thường xuyên hỗn loạn. Tâm cuồng loạn, nghĩa là có lúc chứ không phải là luôn luôn có, quỷ và bàng sinh có tâm cuồng loạn, trời và người cũng có, trừ ra Bắc Câu-lô-châu, bởi vì ở châu đó không có quả tăng thượng của nghiệp tội.

Hỏi: Tâm cuồng loạn này ai có-ai không?

Đáp: Thánh giả và dị sinh đều có thể là có. Thánh bao gồm các Thánh, chỉ trừ ra chư Phật, Phật không có loạn tâm, không có âm thanh hư hoại, không có đoạn dứt mạt-ma, không có dần dần xả mạng. Dị sinh loạn tâm do có đủ năm duyên, Thánh giả chỉ do Đại chủng trái ngược nhau, bậc Thánh không có kinh sợ, bởi vì vượt lên trên năm sự sợ hãi; không bị loài Phi nhân đánh, bởi vì không làm điều dơ bẩn; cũng không có dị thục của nghiệp ác đời trước, bởi vì nghiệp quyết định cho nên cần phải nhận chịu trước rồi mới tiến vào phần vị bậc Thánh; nghiệp không quyết định, do lực của Thánh đạo đã chuyển đổi diệt đi; cũng không có buồn phiền lo lắng, bởi vì chứng được pháp tánh.

Có người nói: Thánh giả rối loạn bởi vì hai duyên, đó là Đại chủng

trái ngược nhau, và bị loài Phi nhân đánh.

Hỏi: Thánh giả đã có được luật nghi không tạo tác, nhất định không có làm điều dơ bẩn thì loài Phi nhân sao tức giận?

Đáp: Người tin Phật pháp thì cung kính tôn trọng các Thánh, hoàn toàn không làm não hại; có người không tin thì ganh ghét các Thánh, chờ dịp thuận tiện để làm não hại. Vì vậy bậc Thánh cũng bị loại Phi nhân đánh.

Hỏi: Trú trong những tâm nào thì có thể phát sinh cuồng loạn?

Đáp: Trú trong hữu lậu chứ không phải là vô lậu, trú trong ý thức chứ không phải là năm thức.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao thấy hai vầng trăng...?

Đáp: Những loại này đều là do ý thức phân biệt chứ không phải là trong năm thức có sự hiểu biết hỗn loạn này.

Hỏi: Vì tâm chưa cuồng mà nói là có cuồng loạn, hay vì tâm đã cuồng mà nói là có cuồng loạn?

Đáp: Không phải là tâm chưa cuồng mà nói là có cuồng loạn, cũng không phải là tâm đã cuồng mà nói là có cuồng loạn. Nhưng tâm có cuồng loạn, tâm không có cuồng loạn, ở đời vị lai nếu gặp phải duyên cuồng loạn, thì tâm không cuồng diệt đi, tâm có cuồng dấy khởi; nếu gặp được duyên không cuồng loạn, thì tâm có cuồng diệt đi, tâm không cuồng dấy khởi.

Hỏi: Nếu tâm cuồng loạn thì cũng tán loạn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tâm cuồng loạn mà không phải là tán loạn, đó là người cuồng không có tâm nhiễm ô.

2. Có tâm tán loạn mà không phải là cuồng loạn, đó là người không cuồng có tâm nhiễm ô.

3. Có tâm cuồng loạn mà cũng tán loạn, đó là người cuồng có tâm nhiễm ô.

4. Có tâm không phải là cuồng loạn mà cũng không phải là tán loạn, đó là người không cuồng-không có tâm nhiễm ô hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Pháp nào tương ưng với triền đều là bất thiện chăng?

Đáp: Đó là Vô tàm-Vô quý.

Hỏi: Triền có mười loại, vì sao chỉ nói đến Vô tàm-Vô quý?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Hai loại này chỉ là bất thiện, cũng đi cùng với tất cả

các tâm bất thiện. Phẫn-phú-tham-tật tuy chỉ là bất thiện mà không phải là đi cùng với tất cả các tâm bất thiện. Hôn trầm-trạo cử tuy đi cùng với tất cả các tâm bất thiện, nhưng không phải là chỉ riêng bất thiện, bởi vì gồm tánh bất thiện-vô ký. Thụy miên-ác tác không phải là chỉ riêng bất thiện, cũng không phải là đi cùng với tất cả các tâm bất thiện, bởi vì thụy miên bao gồm ba tánh, ác tác bao gồm hai tánh. Giác-Vô hối-ác tâm, hai loại này không hiện hành. Trong các tâm bất thiện đều có vô tàm-vô quý, các pháp vô tàm-vô quý đều đi cùng tâm bất thiện, không tách rời lẫn nhau, vì vậy chỉ nói đến hai loại đó.

Trong này cũng nên hỏi: Pháp nào tương ưng với thiện đều là thiện chăng?

Đáp: Đó là Tàm-Quý, bởi vì Tàm-Quý cùng với tâm thiện lại tùy theo với nhau, không tách rời nhau. Nhưng mà không nói đến, bởi vì không phải là riêng hai loại này chỉ thuộc về tánh thiện, mà còn phủ khắp các tâm thiện.

Lời Phật dạy là thế nào? cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn đối với không phải là lời Phật dạy khởi lên tưởng là lời Phật dạy. Như bây giờ có người nói: Tôi nói lời Phật dạy, tôi nghe lời Phật dạy. Người ấy ở trong chỗ không phải là lời Phật dạy khởi lên tưởng là lời Phật dạy. Bởi vì cần phải ngăn chặn ý tưởng như vậy, và vì hiển bày rõ ràng điều gì Đức Phật nói ra là thật sự lời Đức Phật dạy, những điều người khác đã nói thì không phải là thật sự lời Đức Phật dạy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lúc này tại sao lại có người đưa ra cách nói này: Tôi nói lời Phật dạy, tôi nghe lời Phật dạy?

Đáp: Người ấy dựa vào căn bản cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là nay đã nói đến các pháp nhiễm ô-thanh tịnh-ràng buộc-giải thoát, sinh tử, Niết-bàn, nhân quả..., căn bản đều là do Đức Phật đã nói ra.

Có người nói: Người ấy dựa vào tương tự mà nói, nghĩa là Đức Phật trước kia dựa vào thứ tự Danh-Cú-Văn thân như vậy để diễn thuyết cho người khác, nay cũng vẫn dựa vào thứ tự Danh-văn-cú thân như vậy mà tuyên thuyết.

Có người nói: Người ấy dựa vào tùy thuận mà nói, nghĩa là Đức Phật trước kia dựa vào Danh-Cú-Văn thân tùy thuận như vậy để diễn thuyết cho người khác, nay cũng vẫn dựa vào Danh-Cú-Văn thân tùy thuận như vậy mà tuyên thuyết.

Có người nói: Người ấy dựa vào nơi giải quyết sự việc giống nhau cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là như gần bên cạnh Đức Phật nghe về pháp quan trọng, tiến vào Thánh vị-đạt được quả-lìa nhiễm-hết lậu, nghe bây giờ đã nói cũng giải quyết về sự việc ấy.

Hỏi: Lời Phật dạy là thế nào? đáp: nghĩa là ngôn ngữ-văn từ bình luận-ngữ âm-ngữ lộ-ngữ nghiệp-ngữ biểu của Đức Phật, đó gọi là lời Phật dạy.

Hỏi: Vì sao lời Phật dạy chỉ là ngữ Biểu chứ không phải là Vô biểu?

Đáp: Phát sinh Chánh giải của người khác, cho nên gọi là lời Phật dạy. Bởi vì Chánh giải của người khác phát sinh, chỉ nhờ vào Biểu nghiệp chứ không phải là Vô biểu.

Có người nói: Lời Phật dạy cho nhĩ thức mà đạt được, không phải là nghiệp vô biểu; có thể đạt được nhĩ thức, cho nên không phải là lời Phật dạy.

Có người nói: Lời Phật dạy do hai thức mà đạt được, các nghiệp Vô biểu chỉ có một thức đạt được, cho nên không phải là lời Phật dạy.

Có người nói: Đức Thế Tôn trải qua ba Vô số kiếp luôn luôn chịu khó khổ hạnh cầu mong ngữ Biểu của Phật, nay được thành tựu đầy đủ, không phải là Vô biểu. Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn xưa kia ở nơi vô lượng các bậc Chánh đẳng Giác, luôn luôn chịu khó khổ hạnh cầu mong trí Vô thượng, để thuyết pháp cho người khác, dựa vào Uẩn-Giới-Xứ cầu mong Uẩn-Giới-Xứ, lần lượt chuyển đổi nối tiếp nhau đến nay được thành Phật, diễn thuyết về pháp quan trọng cho các hữu tình, hiến rời sinh tử-được nhập Niết-bàn. Những sự việc này đều nhờ vào nghiệp ngữ Biểu của Phật, vì vậy lời Phật dạy chỉ là ngữ Biểu của Phật.

Hỏi: Lời Phật dạy như vậy lấy gì làm Thể, là ngữ nghiệp hay là tên gọi...? Nếu là ngữ nghiệp, thì tiếp theo sau đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: Lời Phật dạy gọi cho pháp nào?

Đáp: "Đó là Danh thân-cú thân-văn thân, sắp xếp câu chữ theo thứ tự, phân bố ổn định theo tứ tự, kết hợp liền nhau theo thứ tự".

Hỏi: Trong bài kệ đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: "Mong muốn là nhân của tụng, văn tức là những câu chữ, tụng dựa vào tên mà chuyển, người tạo là nơi nương nhờ". Nếu là tên gọi.. thì văn này đã nói nên hiểu thế nào? như nói: "Lời Phật dạy là thế nào? nghĩa là ngôn ngữ... cho đến ngữ biểu của Đức Phật, đó gọi là lời Phật dạy".

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Lấy ngữ nghiệp làm Thể.

Hỏi: Nếu như vậy thì tiếp theo sau đã nói nên hiểu thế nào? như

nói: "Lời Phật dạy gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là Danh thân-Cú thân-Văn thân... cho đến kết hợp liền nhau theo thứ tự". Văn phần sau là hiển bày tác dụng của lời Phật dạy, không cần phải mở bày rõ ràng về tự Thể của lời Phật dạy. nghĩa là sắp xếp câu chữ-phân bố ổn định-kết hợp liền nhau theo thứ tự, Danh-Cú-Văn thân là tác dụng của lời Phật dạy.

Hỏi: Bài kệ đã nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Có lúc chuyển đối với tên gọi, có lúc chuyển đối với nghĩa, trong này lại nói về chuyển đối với tên gọi.

Có người nói: Lời Phật dạy lấy tên gọi... làm Thể.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: "Lời Phật dạy là thế nào? đó là ngôn ngữ... cho đến ngữ biểu của Đức Phật, đó gọi là lời Phật dạy".

Đáp: Dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi, cho nên đưa ra cách nói này. Như pháp con cháu lần lượt chuyển đổi mà sinh ra ở thế gian, nghĩa là ngữ dấy khởi tên gọi, tên gọi có thể hiển bày ý nghĩa. Nói như vậy là lấy ngữ nghiệp làm Thể, bởi vì ý Đức Phật đã nói mà người khác đã nghe.

Lời Phật dạy nên nói là thiện, hay là vô ký? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước tuy hiển bày rõ ràng về tự Thể của lời Phật dạy, mà chưa hiển bày rõ ràng về Đẳng khởi của lời Phật dạy, nay muốn hiển bày rõ ràng cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lời Phật dạy nên nói là thiện, hay là Vô ký?

Đáp: hoặc là thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Đó là tâm thện của Phật đã phát ra ngôn ngữ cho đến ngữ biểu. Thế nào là vô ký? Đó là tâm vô ký của Phật đã phát ra ngôn ngữ cho đến ngữ biểu.

Hỏi: Ở trong lời Phật dạy thì loại nào là thiện, loại nào là vô ký?

Đáp: Tạng A-tỳ-đạt-ma và Tạng Tố-đát-làm, phần lớn là thiện; tạng Tỳ-nại-da phần lớn là vô ký. Như Đức Thế Tôn nói: "Cửa cần phải đóng kín, y bát cần phải đặt trên giá trúc-nanh rồng". Những lời như vậy đều là vô ký.

Có người nói: Lời Phật dạy nếu vì hóa độ chúng sinh mà nói thì nên biết là thiện, nếu vì những việc khác mà nói thì đó là vô ký. Như Đức Thế Tôn bảo với A-nan-đà rằng: "Thầy đến nhìn trời là mưa hay không mưa, vì sao trong vườn có tiếng cao-giọng lớn ồn ào?" Những lời như vậy đều là vô ký.

Có người nói: Lời Phật dạy nếu dụng công mà nói thì nên biết là thiện, nếu tùy ý vận dụng mà nói thì đó là vô ký.

Có người nói: Lời Phật dạy do Lực-vô úy.. thâu nhiếp tiếp nhận thì nên biết là thiện, Lực-Vô úy... không thâu nhiếp tiếp nhận thì đó là vô úy.

Tâm thiện của Thanh văn-Độc giác phát ra lời nói thiện thì tâm vô ký đi cùng đạt được kết quả cuối cùng, tâm vô ký phát ra lời nói vô ký thì tâm thiện đi cùng đạt được kết quả cuối cùng.

Tâm thiện của Phật phát ra lời nói thì tâm thiện đạt đến kết quả cuối cùng, tâm vô ký phát ra lời nói vô ký thì tâm thiện đi cùng đạt được kết quả cuối cùng. Nhất định không có tâm thiện phát ra lời nói tâm vô ký đạt đến kết quả cuối cùng, bởi vì chư Phật thuyết pháp có tăng chứ không có giảm, cho nên nghiệp đã tạo tác của Phật quyết định không có sút giảm lui sụt.

Lời Phật dạy gọi cho pháp nào? cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: trước đây tuy hiển bày rõ ràng về tự Thể của lời Phật dạy, mà chưa hiển bày rõ ràng về tác dụng của lời Phật dạy, nay vì hiển bày rõ ràng cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lời Phật dạy gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là Danh thân-Cú thân-văn thân, sắp xếp câu chữ theo thứ tự, phân bốn ổn định theo thứ tự, kết hợp liền nhau theo thứ tự. Đây là hiển bày tổng quát về tác dụng của lời Phật dạy.

Hỏi: Khế Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Già tha, Tự thuyết, nhân duyên, Thí dụ, Bổn sự, Bổn sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị là gọi cho pháp nào?

Đáp: nghĩa là Danh thân-Cú thân-Văn thân, sắp xếp câu chữ theo thứ tự, phân bố ổn định theo thứ tự, kết hợp liền nhau theo thứ tự. Đó gọi là sự sai biệt về tác dụng của lời Phật dạy.

Khế kinh là gì? Đó là câu chữ nói phân tán ra trong các Kinh, như nói "Các hành là Vọ thường, các pháp là Vô ngã, Niết-bàn là tịch tĩnh..."

Hỏi: Khế kinh có nghĩa gì?

Đáp: Ở đây nói tóm lược có hai nghĩa:

1. Nghĩa kết tập.

2. Nghĩa san định.

Nghĩa kết tập, đó là ngôn ngữ của Phật có năng lực thâu nhiếp giữ lấy ý nghĩa, như sợi tơ xâu vòng hoa. Như người kết vòng hoa, dùng sợi

tơ kết thành vòng hoa đội lên đầu chúng sinh, trải qua thời gian dài mà không rơi rớt. Như vậy, lời Phật dạy kết tập thành nghĩa môn, đội vào tâm hữu tình trải qua thời gian dài mà không quên mất.

Nghĩa san định, đó là ngôn ngữ của Phật có năng lực xem xét quyết định ý nghĩa, như dây mực của thợ mộc. Như người thợ khéo léo dùng dây mực đánh dấu những cây gỗ, dễ dàng biết rõ thẳng cong, bỏ những khúc cong-giữ lại đoạn thẳng. Như vậy, lời Phật dạy san định thành nghĩa môn, dễ dàng biết rõ đúng sai, bỏ điều ác-giữ lại điều thiện.

Ứng tụng là gì? Đó là trong các Kinh, dựa vào câu chữ của Khế kinh nói phân tán ra trước đây, sau đó két lại làm thành tụng, để mà đọc tụng thuộc lòng, tức là văn kết tập-phẩm kết tập... Như Đức Thế Tôn bảo với chúng Tỳ kheo rằng: "Ta nói thấy biết thì có thể hết các lậu, nếu không có thấy biết mà có thể hết các lậu, thì điều này không hề có". Đức Thế Tôn nói phân tán ra câu chữ này rồi,lại kết làm thàng tụng mà đọc tụng thuộc lòng rằng:

"Có thấy biết không còn các lậu, không thấy biết thì không như vậy

Lúc thông hiểu về uẩn sinh diệt, tâm giải thoát không còn phiền não".

Ký thuyết là gì? Đó là trong các kinh, các đệ tử thưa hỏi-Như Lai ghi nhớ giải thích, hoặc là Như Lai hỏi-đệ tử ghi nhớ giải thích, hoặc là đệ tử hỏi-đệ tử ghi nhớ giải thích; chư Thiên hóa hiện... hỏi-ghi nhớ cũng như vậy. Như bốn loại hỏi-ghi nhớ trong các Kinh, hoặc ghi nhớ về nơi đã chứng-nơi đã sinh...

Già tha là gì? Đó là trong các Kinh, câu kết thúc đọc lại thành tụng về những điều đã nói trước đây, tức là tụng theo thứ tự... như Già tha nói:

"Thói quen gần gũi thân ái và oán ghét, luôn luôn sinh ra tham dục và sân nhuế.

Vì vậy những người có trí đều tránh xa, ở một mình kinh hành giống như Lân Giác".

Tự thuyết là gì? Đó là trong các Kinh, dựa vào sự việc lo buồn-ưa thích mà Đức Thế Tôn tự nói ra.

Dựa vào sự việc ưa thích, như Đức Phật vào một lúc trông thấy voi chúa giữa đồng vắng, liền tự mình nói tụng rằng:

"Voi chúa ở đồng rộng mênh mông, tâm yên lành thỏa thích không lo.

Người trí ở núi rừng nhàn nhã, chí tiêu dao vắng lặng điềm nhiên".

Dựa vào sự việc lo buồn, như Đức Phật vào một lúc trông thấy đôi vợ chồng già yếu, liền tự mình nói tụng rằng:

"Lúc trẻ không tu tập phạm hạnh, mất hết vật báu của hàng Thánh.

Nay như hai con Hạc già nua, cùng canh giữ một hồ khô cạn".

Nhân duyên là gì? Đó là trong các kinh, gặp các nhân duyên mà có những cách nói như vậy: "Do Thiện tài Đồng Tử... lúc đầu phạm tội, cho nên Đức Thế Tôn tập hợp Tỳ kheo Tăng chế lập học xứ".

Thí dụ là gì? Đó là trong các kinh, đã nói rất nhiều về các loại thí dụ, như thí dụ về dài-thí dụ về lớn, như nói người trì luật là Đại Niết-bàn.

Bổn sự là gì? Đó là trong các kinh, nói về những sự việc đã thấy nghe trong thì trước, như nói quá khứ có Vương đô rộng lớn, tên gọi Hữu Hương Mao, vị vua tên gọi Thiện kiến. Quá khứ có Đức Phật, danh hiệu Tỳ-bát-thi, vì các đệ tử nói pháp như vậy. Quá khứ có Đức Phật, danh hiệu là Thức-xí, Tỳ-thấp-phược-phù, Yết-lạc-ca-tôn-đà, Yết-nặc-ca-mâu-ni, Ca-diếp-ba, vì các đệ tử nói pháp như vậy...

Bổn sinh là gì? Đó là trong các kinh, nói về những sự việc của đời sống đã trải qua trong quá khứ, như các kinh Bổn Sinh về loài Gấu-hươu..., như Đức Phật bởi vì Đề-bà-đạt-đa mà nói về sự việc của năm trăm đời sống trước đây...

Phương quảng là gì? Đó là trong các Kinh, nói rộng về nghĩa của các loại pháp rất sâu xa, như Kinh Ngũ tam, Phạm Võng, Huyễn Võng, Ngũ uẩn, Lục Xứ, Đại Nhân Duyên....

Hiếp Tôn giả nói: "Trong này, bát-nhã nói tên gọi là Phương Quảng, bởi vì sự tác dụng to lớn".

Hy pháp là gì? Đó là trong các Kinh, nói về sự việc rất hiếm có như Tam bảo... Xá-lợi-tử ca ngợi công đức Vô thượng của Đức Thế Tôn, Tôn giả Khánh Hỷ ca ngợi pháp rất hiếm có của Đức Thế Tôn.

Luận nghị là gì? Đó là trong các Kinh, quyết định rõ ràng về giáo theo cách nói im lặng-theo cách nói rộng rãi... Lại như Đức Phật vào một lúc nọ nói tóm lược về Kinh rồi, liền đi vào tịnh thất ngồi yên lặng một thời gian dài, các Đại Thanh văn cùng nhau tập trung một nơi; tất cả đều dùng câu chữ-ý nghĩa khác nhau để giải thích những điều Đức Phật nói ra.

Thư gọi cho pháp nào? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là trong phần luận này biện giải rộng về sự sai biệt của tự tánh Thắng nghĩa, đừng có sinh tâm nghi ngờ là người soạn ra phần luận này chỉ giỏi về Thắng nghĩa mà không đề cập đến Thế tục. Vì hiển bày Luận giả đều thông hiểu rõ ràng cả Thắng nghĩa lẫn Thế tục, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thư gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển biến thân nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Thư không phải là chữ đã tạo ra, chỉ là tất cả các phương pháp có thể tạo ra chữ, phương pháp này có thể làm thành chữ viết cho nên nói là Thư. Như lý chuyển biến thân nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi, tức là bốn Uẩn. Như vậy năm Uẩn làm tự tánh của Thư.

Hỏi: Số gọi cho pháp nào?

Đáp: Như lý chuyển biến ý nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, số không phải là nói đến số trăm-ngàn... đã đến các vật như lúa-mè..., mà chỉ là tất cả phương pháp có thể kể ra, phương pháp này có thể kể ra cho nên nói là Số.

Trong hàng đệ tử của Đức Phật, Tôn giả Khánh Hỷ có sở trường hiểu rõ về pháp của Số mà người khác không có ai hơn được. Đã từng vào một lúc nọ, bởi vì khất thực cho nên khoác y ôm bát đi đến thành Quang Nghiêm. Lúc ấy trước cổng thành có một ngoại đạo, từ xa trông thấy Khánh Hỷ, ngầm dấy lên nghĩ rằng: Sa môn này là người hiểu rõ về Số bậc nhất, gặp dịp nay mình sẽ thử xem là thật sự như vậy chăng? Lúc ấy bên cổng thành có một cây lớn, cành là rậm rạp tên là Nặc-cù-đà, ngoại đạo đi nhanh về phía trước chỉ vào cây mà hỏi: Nay ông biết số lá của cây này là bao nhiêu? Tôn giả ngước lên nhìn rồi liền trả lời rằng: nay là của cây này có bấy nhiêu trăm ngàn. Nói rồi đi vào thành. Sau đó ngoại đạo dấy lên suy nghĩ này: Làm sao nghiệm xét biết được lời người ấy nói là giả hay thật? Liền lấy đi một ít là mà giấu nơi khác. Khánh Hỷ từ trong thành đi ra, ngoại đạo lại hỏi: trước đây Nhân giả đã đếm là chắc chắn bao nhiêu? Khánh Hỷ trả lời rằng: trước đây tôi đã nói. Ngoại đạo lại nói: Xin nói rõ lần nữa. Tôn giả nhìn cây chốc lát rồi trả lời rằng: trước đây có bấy nhiêu, nay thiếu đi bấy nhiêu, ngoại đạo vui mừng cảm ơn mà khen ngợi rằng: Biết về Số bậc nhất, tin chắc chỉ có người ấy.

Lại như Ba-la-diễn-noa, vừa thấy còm miệng của Đức Phật liền nói người này quyết định có bốn mươi chiếc răng tuyệt đẹp. Như vậy hiểu rõ về Số, loại ấy thật là nhiều.

Như lý chuyển biến ý nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi. Trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi. Như vậy bốn Uẩn làm tự tánh của Số.

Hỏi: Toán gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển biến ngữ nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Toàn không phải là nói đến những phương pháp tính toán như một-mười-trăm-ngàn-vạn-ức..., mà chỉ là tất cả pháp có thể tính toán, phương pháp này có thể tính toán cho nên nói là Toán.

Như lý chyển biến ngữ nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi; tức là bốn uẩn. Như vậy năm Uẩn làm tự tánh của Toán.

Hỏi: Ấn gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển biến thân nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Ấn không phải là con dấu đã làm ra, mà chỉ là tất cả phương pháp có thể làm ra con dấu, phương pháp này có thể làm thành con dấu cho nên nói là Ấn.

Như lý chuyển biến thân nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi, tức là bốn Uẩn. Như vậy năm uẩn làm tự tánh của Ấn.

Hỏi: Thi gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Thi không phải là thơ vịnh đã nói ra, mà chỉ là tất cả phương pháp có thể thành thơ vịnh, phương pháp này có thể làm thành thơ vịnh cho nên nói là Thi.

Như lý chuyển biến ngũ nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi, tức là bốn Uẩn. Như vậy năm Uẩn làm tự tánh của Thi.

Hỏi: Đối với các văn tụng thì loại nào là Tho, loại nào không phải là Thi?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Lời nói của Đức Phật không phải là Thi, lời nói của người khác là Thi. Có Sư khác nói: Nội giáo

không phải là Thi, ngoại giáo là Thi. Nói như vậy thì văn nghĩa tương xứng có thể dẫn đến ý nghĩa lợi ích, không gọi là Thi; Thi nghĩa là văn tụng của thế gian đảo lại với văn tụng này.

Hỏi: Vì sao nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ở thế gian gọi cho pháp nào? cho đến nói rộng ra. Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn dùng văn tóm lược để thâu nhiếp nhiều nghĩa. Nghĩa là nếu tùy theo các nghiệp xứ tinh xảo khéo léo mà nói rộng ra, thì phát sinh rất nhiều ngôn luận; muốn dùng ngôn từ tóm lược tương tự để thâu nhiếp những điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các loại nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ở thế gian gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là Tuệ làm đầu tiên để tạo tác các nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ấy, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này.

Trong này không phân tích về sự việc đã tạo tác, mà chỉ là hiển bày rõ ràng về pháp có thể tạo tác. Tạo tác các nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ấy, hiển bày về quả đã phát khởi, tùy theo sự thích hợp của nghiệp thân-ngữ-ý. Trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi. Như vậy hoặc là dùng năm Uẩn, hoặc là dùng bốn uẩn để làm tự tánh của nghiệp ấy.

Khắp nơi nói đến Oai nghi lộ, và khởi lên Oai nghi lộ. Oai nghi lộ, đó là lấy bốn xứ sắ-hương-vị-xúc làm Thể. Khởi lên oai nghi lộ, đó là lấy hai xứ ý-pháp kia có thể khởi lên làm Thể. Bốn Thức nhãn-tỷ-thiệt-thân là gia hạnh của oai nghi lộ, không phải là khởi lên Oai nghi lộ; ý thức là gia hạnh của Oai nghi lộ, cũng là khởi lên Oai ngho lộ. Vả lại, bốn Thức nhãn... có thể duyên với Oai nghi lộ, không có thể duyên vời Oai nghi lo khởi lên; Ý thức có thể duyên với Oa nghi lộ, cũng có thể duyên với Oai nghi lộ khởi lên. Có lúc do ý thức này đã dẫn dắt, có thể duyên đầy đủ với mười hai xứ.

Khắp nơi nói đến Công xảo xứ, và khởi lên Công xảo xứ. Công xảo xứ, đó là lấy năm xứ sắc-thanh-hương-vị-xúc làm Thể. Khởi lên Công xảo xứ, đó là lấy hai Xứ ý-pháp kia có thể khởi lên làm Thể. Năm Thức như nhãn... là gia hạnh của công xảo xứ, không phải là khởi lên Công xảo xứ; ý thức là gia hạnh của Công xảo xứ, cung là khởi lên Công xảo xứ. Vả lại, năm Thức như nhãn... có thể duyên với Công xảo xứ, không có thể duyên với Công xảo xứ khởi lên; ý thức có thể duyên với công xảo xứ, cũng có thể duyên với công xứ khởi lên. Có lúc do ý thức này đã dẫn dắt, có thể duyên đầy đủ với mười hai Xứ.

Hỏi: Nếu thành tựu giới Học, thì lúc ấy thành tựu giới Phi họcphi

vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu giới Học mà không phải là giới Phi học phi vô học, đó là người Học sinh đến cõi Vô sắc, giới thê tục kia vượt qua cõi-địa mà xả bỏ.

2. Có lúc thành tựu giới Phi học phi vô học mà không phải là giới Học, đó là A-la-hán và các dị sinh, sinh ở cõi Dục-Sắc. Các A-la-hán ở cõi Dục-Sắc, nhất định thành tựu giới Phi học phi vô học, nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì đã xả bỏ. Nếu các dị sinh ở cõi Dục-Sắc, thì hoặc là thành tựu giới Phi học phi vô học, tất cả dị sinh nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì chưa có được.

3. Có lúc thành tựu giới Học cũng là giới phi học phi vô học, đó là người Học sinh ở cõi Dục-Sắc; tất cả người Học ở cõi Dục-Sắc, nhất định thành tựu giới Phi học phi vô học và giới Học, bởi vì chưa xả bỏ.

4. Có lúc không phải là thành tựu giới Học, cũng không phải là giới Phi học phi vô học, đó là A-la-hán và các dị sinh, sinh đến cõi Vô sắc. A-la-hán sinh ở cõi ấy nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì đã xả bỏ; dị sinh sinh ở cõi ấy nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì chưa có được. Hai loại ấy điều không thành tựu giới thế tục, bởi vì vượt qua cõi-địa đã xả bỏ.

Hỏi: Nếu thành tựu giới Vô học, thì lúc ấy thành tựu giới phi vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu giới vô học mà không phải là giới Phi học phi vô học, đó là A-la-hán sinh đến cõi Vô sắc, giới thế tục ấy vượt qua cõi-địa mà bỏ.

2. Có lúc thành tựu giới Phi học phi vô học mà không phải là giới Vô học, đó là các bậc Học và các dị sinh, sinh ở cõi Dục-Sắc. Người Học ở cõi Dục-Sắc, nhất định thành tựu giới thế tục; dị sinh ở cõi Dục-Sắc, hoặc là thành tựu giới thế tục. Hai loại ấy đều không thành tựu giới Vô học, bởi vì đều chưa có được.

3. Có lúc thành tựu giới Vô học cũng là giới Phi học phi vô học, đó là A-la-hán sinh ở cõi Dục-Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu giới Vô học cũng không phải là giới Phi học phi vô học, đó là những người Học và các dị sinh, sinh đến cõi Vô sắc; hai loại ấy không có giới Học, bởi vì đều chưa có được, giới thế tục ấy đều đã xả bỏ.

Hỏi: Các giới này thì đó là nghiệp chăng?

Đáp: Các giới này thì đó chính là nghiệp. Có lúc là nghiệp mà không phải là giới, đó là ý nghiệp.

Hỏi: Nếu nơi có giới thì ở đó có nghiệp chăng?

Đáp: Nếu nơi có giới thì ở đó có nghiệp; hoặc là nơi có nghiệp mà không có giới, đó là cõi Vô sắc...

Hỏi: Nếu thành tựu giới thì lúc ấy thành tựu nghiệp chăng?

Đáp: Nếu thành tựu giới thì lúc ấy thành tựu nghiệp. Có lúc thành tựu nghiệp mà không phải là giới, đó là dị sinh đến cõi Vô sắc...

Hỏi: Nếu có giới thì lúc ấy có nghiệp chăng?

Đáp: Nếu có giới thì lúc ấy có nghiệp; hoặc là có nghiệp mà không có giới, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc...

□